



Published by
giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



BỘ CÔNG THƯƠNG - MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE
CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
VIETNAM TRADE PROMOTION AGENCY

**DỰ ÁN HỖ TRỢ DỰ ÁN HỖ TRỢ HỢP TÁC KINH TẾ KHU VỰC CHÂU Á
(SRECA)**

**QUY TRÌNH
QUẢN LÝ GIÁM SÁT
(Áp dụng cho nhà sản xuất)**

SỐ HIỆU: SX-QL014
BẢN SAO SỐ: 00
LẦN BAN HÀNH: 01
NGÀY BAN HÀNH:

NGƯỜI BIÊN SOẠN	NGƯỜI SOÁT XÉT	NGƯỜI PHÊ DUYỆT

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 1/31

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

1. Phạm vi áp dụng

2. Định nghĩa và từ viết tắt

3. Tài liệu tham khảo

4. Mục đích sử dụng tài liệu

5. Nội dung quy trình quản lý giám sát

5.1 Mục đích quản lý giám sát

5.2 Căn cứ pháp lý quy trình quản lý giám sát

5.3 Cơ sở thực hiện

5.4 Phạm vi áp dụng

5.5 Vai trò trách nhiệm của tư vấn giám sát

6. Nội dung chính của công tác giám sát

6.1 Yêu cầu chung đối với tư vấn giám sát

6.2 Giám sát chất lượng

7. Biểu mẫu đánh giá giám sát đơn vị sản xuất, chế biến

8. Khuyến nghị áp dụng hệ thống truy xuất xúc tiến thương mại

9. Lưu ý khi tham gia vào cổng TXNG xúc tiến thương mại

10. Lưu ý cho Cục Xúc tiến thương mại về bộ quy trình Quản lý chất lượng

PHỤ LỤC 1

PHỤ LỤC 2

PHỤ LỤC 3

LỜI NÓI ĐẦU

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 2/31

Các Quy trình được xây dựng theo sự đặt hàng của Dự án và của Cục XTTM. Nhóm tư vấn thống nhất với chủ Dự án cùng xây dựng các thông tin cơ bản sau để dùng chung cho các Quy trình và Bộ Quy trình, gồm:

1. Sổ tay chất lượng: Đây là hoạt động không nằm trong yêu cầu của Dự án, xây dựng để hỗ trợ lại cho Cục XTTM tham khảo và có cơ sở sử dụng các Bộ quy trình.

2. Mục tư vấn/Lưu ý gồm:

a. Khuyến nghị áp dụng hệ thống XTNG XTTM

b. Lưu ý cho Cục XTTM với vai trò vận hành hệ thống XTNG XTTM

3. Phân tích tình huống thực tế: Nhóm tư vấn thống nhất cùng xây dựng Tình huống thực tế được thu thập dựa trên sự việc có thật được truyền thông rộng rãi. Các dữ liệu đều được giữ nguyên bản. Tuy nhiên, các phân tích theo từng góc độ dựa vào các chức năng của TXNG và từng bộ quy trình để giúp cho đơn vị điều hành hệ thống hiểu rõ hơn về bản chất của từng Quy trình và cả Bộ quy trình. C

4. Các thông tin nền: Tình hình thế giới liên quan đến TNXG, tình hình trong nước liên quan đến TXNG, Các thông tin nền do Cục XTTM cung cấp như Sơ đồ vận hành hệ sinh thái XTTM, thông tin liên quan đến Hệ thống TXNG XTTM, sơ đồ về hệ thống XTTM, các trao đổi/phỏng vấn với Cục XTTM để đưa vào Quy trình.

Các Quy trình này xây dựng riêng cho hệ sinh thái XTNG XTTM hay hệ thống TXNG XTTM. Đây là sản phẩm do tư vấn phát triển dựa trên nghiên cứu thực tế và kinh nghiệm thực tế, có trao đổi thông tin với Cục XTTM. Đây không phải văn bản chính thống và buộc phải áp dụng, Cục XTTM có thể nghiên cứu và áp dụng, phục vụ công việc và theo mục đích của hoạt động. Các tài liệu này không đề xuất dùng cho các hệ thống TXNG khác, ngoài hệ thống của cục XTTM.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 3/31

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

1. Phạm vi áp dụng

- Phạm vi áp dụng của tài liệu này được xác định liên quan đến thời gian, phạm vi thông tin và đối tượng áp dụng.

Thời gian: Thời gian hoàn thành Quy trình này dự kiến tháng 3/2021, việc áp dụng được tính từ thời điểm này và trong suốt quá trình vận hành hệ thống TXNG. Quy trình này có thể được bổ sung, chỉnh sửa phù hợp với tiêu chí vận hành của Hệ sinh thái và hệ thống TXNG. Việc sửa đổi hay bổ sung cần được tiến hành dựa trên những căn cứ thực tế và khoa học, đảm bảo hỗ trợ hiệu quả cho các thành tố tham gia hệ thống.

Về phạm vi thông tin: Tài liệu được thu thập và nghiên cứu dựa trên các tài liệu về ISO, VietGAP, Global GAP, các hệ thống TXNG từ 2017 trở lại và dựa trên kinh nghiệm của nhóm chuyên gia để tham vấn lại cho đơn vị sử dụng.

- Quy trình này được áp dụng cho tất cả các bộ phận thuộc hệ thống quản lý giám sát, đơn vị sản xuất, chế biến liên quan.

- Quy trình được xây dựng cho đơn vị vận hành hệ thống TXNG hay hệ sinh thái TXNG XTTM để có thể vận hành toàn bộ hệ thống hay hệ sinh thái.

- Quy trình được xây dựng nhằm trực tiếp hỗ trợ cho các DN, các đơn vị tham gia trong chuỗi, trong hệ thống TXNG các nghiệp vụ và kỹ năng liên quan.

2. Định nghĩa và các từ viết tắt

- Các từ viết tắt tuân theo quy định trong sổ tay chất lượng.
- NCU: nhà cung ứng
- iTrace247: Là hệ thống TXNG được Cục XTTM đặt tên cho hệ thống của mình
- TXNG: Truy xuất nguồn gốc
- XTTM: Xúc tiến thương mại
- CL: Chất lượng
- QL: Quản lý
- DN: Doanh nghiệp
- ICM: Quản lý cây trồng tổng hợp
- IPC: Quản lý dịch hại tổng hợp
- QMS: Hệ thống quản lý chất lượng
- HACCP: Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn
- ATTP: an toàn thực phẩm

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 4/31

- FSMS: kết quả phải đạt được của hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm.

- CCP: Thiết lập hệ thống giám sát cho biện pháp kiểm soát

3. Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiêu chuẩn bền vững tự nguyện

Các tài liệu tham khảo cơ bản gồm các tiêu chuẩn bền vững tự nguyện, đặc biệt là GLOBAL G.A.P và VietGAP. Với tài liệu GlobalGAP, mục tham khảo đặc biệt quan trọng là mục quản lý giám sát.

STT	KÝ HIỆU	ĐIỂM KIỂM SOÁT	MỨC ĐỘ TUÂN THỦ	MỨC BẮT BUỘC
1	SX-QL01 4.1	Công ty có xây dựng quy trình sản xuất cho sản phẩm không?	-Thực hiện ngay từ khi bắt đầu xây dựng quy trình tại vùng trồng, vùng chăn nuôi sản xuất, vùng nguyên liệu.	Chính yếu
2	SX-QL01 4.2	Tần xuất giám sát theo mùa vụ được thực hiện thường xuyên không?	- Giám sát thường xuyên, liên tục trong quá trình thực hiện quy trình. - Căn cứ vào thẩm quyền được duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng. Các hồ sơ tài liệu liên quan khác	Thứ yếu
3	SX-QL01 4.3	Có thực hiện việc xây dựng quy trình kỹ thuật liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật, dịch hại tổng hợp theo quy định hiện hành không?	- Lập và trình duyệt các quy trình kỹ thuật, biện pháp xử lý sâu bệnh hại của các đối tượng cây trồng, các quy định về quản lý chất lượng theo quy trình này và tiêu chuẩn ATVSTP hiện hành.	Chính yếu
4	SX-QL01 4.4	Có thực hiện giám sát theo kế hoạch sản xuất kinh doanh không?	- Giám sát, chỉ đạo kỹ thuật và giám sát về chất lượng theo quy trình SXKD đảm bảo tiến	Chính yếu

**QUY TRÌNH
QUẢN LÝ GIÁM SÁT**

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 5/31

			độ kế hoạch đơn hàng hoặc mùa vụ.	
5	SX-QL01 4.5	Có xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện nhiệm vụ giám sát với các bên liên quan như: đơn vị sản xuất, nhà máy chế biến, đơn vị thương mại hay không?	- Quan hệ với các đối tác, các đơn vị sản xuất, nhà máy chế biến và các đơn vị liên quan để giải quyết công việc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.	Thứ yếu
6	SX-QL01 4.6	Có phối hợp với các tổ chức chứng nhận để cung cấp hồ sơ liên quan đến sản phẩm, tiến hành phối hợp lấy mẫu và cập nhật trên hệ thống truy xuất nguồn gốc hay không?	- Phối hợp với các tổ chức chứng nhận chất lượng, đơn vị kiểm nghiệm lấy mẫu sản phẩm đi phân tích đồng thời lập hồ sơ chất lượng từng lô hàng chuyển về phòng HC-NS-IT cập nhật lên hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm.	Thứ yếu
7	SX-QL01 4.7	Có thường xuyên cập nhật hồ sơ kỹ thuật lên hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy trình kỹ thuật hay không?	- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý hồ sơ kỹ thuật của công ty, hồ sơ kỹ thuật phải được cập nhật thường xuyên và khép kín các giai đoạn trên hệ thống truy xuất nguồn gốc. - Thực hiện giám sát chéo theo yêu cầu, phân quyền của công ty	Chính yếu

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 6/31

8	SX- QL01 4.8	Có chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của số liệu giám sát trên vùng nguyên liệu hay không?	- Theo dõi chính xác các số liệu, dữ liệu liên quan đến công tác giám sát đảm bảo tính đúng đắn, chính xác của cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu, vùng sản xuất	Chính yếu
----------	--------------------	--	--	------------------

Tham khảo ISO 22001:2018 – ĐK – 9.1.1 Yêu cầu chung cho việc giám sát, đo lường, phân tích và đánh giá

Giám sát, đo lường, phân tích và đánh giá

Yêu cầu chung

Tổ chức phải xác định những gì cần được giám sát và đo lường

Tiêu chuẩn yêu cầu:

Tổ chức phải xác định: a) những gì cần được giám sát và đo lường; (9.1.1.a).

Theo ISO 22000:2018, *Giám sát* là hoạt động để xác định tình trạng của hệ thống, quá trình, sản phẩm dịch vụ hay một hoạt động. Mục đích của giám sát là để biết được tình trạng của hệ thống, quá trình, sản phẩm hay hoạt động có phù hợp với yêu cầu mà chúng ta đã thiết lập hay không? Để biết tình trạng này chúng phải thực hiện đo lường hoặc quan sát các hoạt động của quá trình để xem liệu chúng có hoạt động như dự định hay không.

Đo lường là quá trình xác định một giá trị. Nghĩa là bạn muốn đo lường hàm lượng chất đạm có trong sữa thì bạn phải tiến hành xác định giá trị chất đạm có trong sữa bằng một phương pháp cụ thể và việc thực hiện đo lường đó là một quá trình. Kết quả đầu ra của đo lường thường là kết quả đầu vào của quá trình đánh giá và phân tích, đo lường chỉ xác định giá trị thực của một yếu tố cần đo.

Mục đích của quá trình giám sát và đo lường là nhằm xác định hiện trạng thực tế của quá trình so với những gì mà nó được chúng ta hoạch định trước đó. Việc giám sát và đo lường các quá trình cung cấp chúng ta các thông tin để:

- Cho phép người vận hành FSMS đưa ra quyết định liên quan đến kết quả của quá trình;

- Cho phép người vận hành FSMS ngăn chặn sự không phù hợp bằng cách xác định các thông số đo lường đặc tính trong một quá trình và ngăn chặn việc chuyển đổi các kết quả không phù hợp sang quá trình tiếp theo;

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 7/31

- Xác định tính hiệu quả của quá trình;
- Sử dụng kết quả giám sát, đo lường, phân tích và đánh giá làm phương tiện để cải tiến liên tục;
- Thúc đẩy việc đạt được các mục tiêu chất lượng thông qua các chỉ số quá trình quan trọng liên quan đến mục tiêu của tổ chức.

Về thực tế việc giám sát và đo lường đã được đề cập nhiều trong các điều khoản 8 như thông qua sản phẩm, kiểm soát đầu ra không phù hợp. Tuy nhiên, điều khoản 9.1.1 này quy chung về một môi trường sâu và rộng hơn, việc giám sát đo lường không những cho quá trình sản xuất điều khoản 8 mà cho cả hệ thống ATTP. Trong ISO 22000: 2018 yêu cầu giám sát và đo lường các vấn đề như sau:

- Thông tin về các vấn đề bên ngoài và nội bộ / bối cảnh của tổ chức để cập nhật kịp thời .
- Thông tin về các bên liên quan và yêu cầu của họ để cập nhật kịp thời .
- Mục tiêu chất lượng .
- Đo lường hệ thống giám sát tại các CCP.
- Kiểm soát giám sát và đo lường .
- Hiệu quả quá trình kiểm soát nhà cung cấp bên ngoài .
- Giám sát Chương trình tiên quyết .
- Đảm bảo rằng các sản phẩm được cung cấp bên ngoài đáp ứng các yêu cầu .
- Hệ thống giám sát các CCP.

Việc xác định những gì cần giám sát đo lường là rất rộng lớn và phụ thuộc vào quy mô tổ chức, trình độ tổ chức sản xuất, hàm lượng công nghệ và sự phức tạp của các quá trình. Tiêu chuẩn không yêu cầu bạn phải đo thế nào, việc xác định đo như thế nào và ở đâu là do tổ chức bạn quyết định dựa trên mức độ rủi ro của hệ thống và nguồn lực của tổ chức.

4. Mục đích sử dụng tài liệu

Mục tiêu chung

Mục đích bao trùm của Bộ quy trình SX và của Quy trình quản lý giám sát nhằm cung cấp những thông tin cơ bản về các thành tố, yếu tố trong Hệ sinh thái XTTM, cung cấp những thông tin cụ thể về các phương pháp giám sát quá trình sản xuất nhằm hạn chế rủi ro cần thiết, cách thức xây dựng một phương pháp giám sát và đo lường quá trình. Cách thức này bao gồm các bước sau:

- Xác định các quá trình chính nào cần phải giám sát và đo lường;

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 8/31

- Xác định các đầu ra mong muốn hay các mục tiêu cần đạt được và các rủi ro từ các quá trình này;
- Từ các đầu ra mong muốn, tiến hành xác định các điểm cần thiết trong quá trình cần phải theo dõi và đo lường để đảm bảo đạt được đầu ra mong muốn và kiểm soát được rủi ro;
- Từ các điểm cần thiết, tiến hành xác định các tham số cụ thể mà chúng có thể cho biết cách thức quá trình đang hoạt động (quá trình đang tốt hay xấu);
- Xác định chức năng hoặc vai trò chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động đo lường (nhân viên, phòng ban);
- Xác định các thông số để theo dõi và đo lường như điều kiện quá trình, khoảng thời gian lấy mẫu, tỷ lệ lấy mẫu và số lượng mẫu lấy;
- Từ các chương trình giám sát PRP, CCP chúng ta xác định cách thức giám sát chéo ;
- Mô tả các giai đoạn trong quá trình thực hiện các hoạt động đo lường (kỹ thuật thực hiện hoặc hướng dẫn thực hiện);
- Các nguồn lực phục vụ đo lường: công cụ, thiết bị hoặc phần mềm cần thiết để thực hiện hoặc hỗ trợ đo lường;
- Các kết quả phải được ghi lại ở đâu và ghi như thế nào?
- Hành động bắt buộc trong trường hợp phát hiện sự không tuân thủ;

Đối tượng áp dụng Quy trình quản lý giám sát

Áp dụng cho tất cả các bên có liên quan trong hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại và trong các khâu của chuỗi sản phẩm:

- + Giám sát quá trình sản xuất nguyên liệu theo quy trình.
- + Giám sát nhà cung cấp (vật tư nông nghiệp, nguyên vật liệu sản xuất, chất bảo quản...) theo quy trình
- + Giám sát nhà máy chế biến (theo yêu cầu bên mua) theo quy trình
- + Giám sát việc vận chuyển, phân phối theo quy trình.
- + Giám sát an toàn lao động trong sản xuất
- + Giám sát quá trình lưu kho và bảo quản hàng hóa theo yêu cầu bên mua.

5. Nội dung quy trình quản lý giám sát

5.1 Mục đích quản lý giám sát

- Xây dựng kế hoạch, quyết định về mục tiêu, chương trình hành động và các bước thực hiện cụ thể của một hệ thống quản lý giám sát.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 9/31

- Điều chỉnh, sửa chữa các sai lệch nảy sinh trong quá trình hoạt động của hệ thống bộ phận giám sát là mắt xích trong mối quan hệ giữa bộ phận quản lý, bộ phận chấp hành, bộ phận kiểm nghiệm.

- Điều chỉnh bất cứ một sự rối loạn nào trong một bộ phận, một khâu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến những bộ phận khác của hệ thống.

- Kiểm tra đánh giá đúng kết quả hoạt động của hệ thống, bao gồm cả việc đo lường các sai lệch nảy sinh trong quá trình hoạt động, là một chức năng có liên quan đến mọi mặt quản lý căn cứ vào mục tiêu và kế hoạch đã định.

- Xây dựng kế hoạch hướng dẫn việc sử dụng các nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu, kiểm tra xác định xem chúng hoạt động có phù hợp với mục tiêu và kế hoạch hay không.

5.2 Căn cứ pháp lí quy trình quản lí giám sát

- Căn cứ xây dựng kế hoạch quản lí giám sát là việc cụ thể hóa quy trình hoạt động, nội dung hoạt động được xây dựng trên nền tảng quy trình chung đã được phê duyệt bởi đơn vị sản xuất.

- Quyết định phê duyệt vùng được quản lí giám sát (vùng nguyên liệu) hoặc hợp đồng đã ký kết giữa công ty và phân vùng được quản lí giám sát, quyết định phê duyệt phương án giám sát vùng nguyên liệu theo hợp đồng đã ký kết.

- Những yêu cầu riêng của quy định cho công tác giám sát đã được phê duyệt và đóng dấu dựa trên nguyên tắc quy trình chung đã được thỏa thuận giữa các bên.

- Các quy định khác theo thỏa thuận thêm giữa các bên liên quan.

5.3 Cơ sở thực hiện

5.3.1 Về chăn nuôi, trồng trọt và bảo vệ thực vật

- Xây dựng, kiểm tra thực hiện quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; kế hoạch sử dụng, bảo vệ và cải tạo nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Kiểm tra đánh giá về cơ cấu cây trồng; kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi thu hoạch, bảo quản; tổng kết, đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất nuôi, trồng.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 10/31

- Về giống cây trồng nông nghiệp, nguồn gốc giống, chất lượng giống, về kiểm dịch thực vật, bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, sản phẩm phục vụ chăm sóc cây trồng theo quy định quy trình đã đặt ra.

- Về giống gia súc, gia cầm, lí lịch nguồn gốc giống, chất lượng giống, về kiểm dịch thú y, phòng dịch, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm phục vụ chăm sóc gia súc, gia cầm theo quy định quy trình đã đặt ra.

- Về kỹ thuật canh tác, kỹ thuật chăm sóc thu hái sơ chế và bảo quản, hàng hóa

5.3.2 Về thu hái, bảo quản, chế biến, vận chuyển

- Hướng dẫn, cung cấp quy trình và kiểm tra việc thực hiện các quy định về thu hái sản phẩm nông nghiệp, điều kiện đảm bảo an toàn đối với cơ sở sơ chế, bảo quản, chế biến thuộc phạm vi quản lý, hạn chế tổn thất, thất thoát.

- Tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế kinh doanh giết mổ, buôn bán và vận chuyển lợn, trâu, bò dưới dạng tươi sống hoặc chế biến ở thành phố, thị xã, thị trấn phải tuân thủ các điều kiện quy định trong Thông tư Nghị định số 02/CP ngày 05/01/1995 của Chính phủ này và chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Hướng dẫn việc vận chuyển các loại hàng hóa sản phẩm nông nghiệp đúng quy cách.

5.3.3 Về an toàn thực phẩm

- Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với sản xuất nông sản hàng hóa theo thông tư 50 của bộ Y Tế.

- Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu kinh doanh đối nông sản thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức giám sát, đánh giá nguy cơ, cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố an toàn thực phẩm kiểm tra, giám sát việc thực hiện truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 11/31

5.3.4 Về phòng, chống thiên tai, sự cố

- Hướng dẫn bố trí nguồn nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin, nhu yếu phẩm, nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, sự cố trong vùng nguyên liệu vùng sản xuất.

- Hướng dẫn thực hiện phương án ứng phó thiên tai, sự cố kiểm tra các phương án phòng, chống trong kế hoạch.

5.4 Phạm vi áp dụng

- Quy trình quản lý giám sát được áp dụng tại vùng trồng, vùng sản xuất hay đơn vị đã thực hiện ký kết hợp đồng quy trình truy xuất nguồn gốc với cty

- Áp dụng cho tất cả các bên có liên quan trong quy trình quản lý truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại.

5.5. Vai trò trách nhiệm của tư vấn giám sát.

5.5.1. Tư vấn giám sát có các quyền sau:

a) Nghiệm thu xác nhận công việc, giai đoạn hoàn thành, hạng mục công việc hoặc công việc hoàn thành bảo đảm đúng kế hoạch, theo quy chuẩn, tiêu chuẩn đã xây dựng và đảm bảo chất lượng.

b) Từ chối nghiệm thu công việc không bảo đảm quy trình canh tác, sản xuất và các tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của kỹ thuật viên.

c) Đề xuất với quản lý những bất hợp lý về quy trình, kỹ thuật nếu phát hiện ra để kịp thời sửa đổi, khắc phục và hoàn thiện.

d) Yêu cầu nhà sản xuất thực hiện đúng hợp đồng nuôi, trồng, chăm sóc theo quy chuẩn mà KTV đề ra

đ) Bảo lưu các ý kiến của mình đối với công việc giám sát do mình đảm nhận.

e) Từ chối yêu cầu bất hợp lý của các bên liên quan và báo cáo kết quả cho quản lý.

đ) Các đánh giá khách quan về công việc thực hiện và đưa ra báo cáo kết luận.

5.5.2. Người thực hiện nhiệm vụ giám sát có các nghĩa vụ sau:

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 12/31

- 1) Thực hiện đầy đủ vai trò trách nhiệm của mình về chuyên môn nghiệp vụ như đã ký kết với công ty bằng hợp đồng.
- 2) Chịu trách nhiệm trước công ty về hành vi không tuân thủ hợp đồng và các hành vi phạm khác làm sai lệch kết quả giám sát.
- 3) Bồi thường thiệt hại khi làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng công việc thi công không đúng quy trình, không tuân theo quy chuẩn, tiêu chuẩn.
- 4) Có trách nhiệm thu thập thông tin cập nhật dữ liệu chính xác và báo cáo về cho đơn vị quản lý
- 5) có quyền đề nghị kiểm tra đột xuất về mặt kỹ thuật, chất lượng các vườn cây, lô hàng hoặc các đơn vị gia công, chế biến theo hợp đồng của công ty.
- 6) có quyền lập biên bản xử lý kỹ thuật khi các đơn vị sản xuất, đơn vị thực hiện không đảm bảo chất lượng hoặc không đúng quy trình đã ban hành.
- 7) đề xuất với lãnh đạo công ty chấm dứt hợp đồng bao tiêu hoặc cung cấp khi đối tác cố tình làm chậm trễ tiến độ hoặc vi phạm quy trình kỹ thuật đã được nhắc nhở nhiều lần hoặc gian lận trong quá trình xuất nhập sản phẩm.

6. Nội dung chính của công tác giám sát

6.1 Yêu cầu chung đối với tư vấn giám sát

- Thực hiện ngay từ khi bắt đầu xây dựng quy trình tại vùng trồng, vùng chăn nuôi sản xuất, vùng nguyên liệu.
- Giám sát thường xuyên, liên tục trong quá trình thực hiện quy trình.
- Căn cứ vào thẩm quyền được duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng. Các hồ sơ tài liệu liên quan khác.
- Lập và trình duyệt các quy trình kỹ thuật, biện pháp xử lý sâu bệnh hại của các đối tượng cây trồng, các quy định về quản lý chất lượng theo quy trình này và tiêu chuẩn ATVSTP hiện hành.
- Giám sát, chỉ đạo kỹ thuật và giám sát về chất lượng theo quy trình SXKD đảm bảo tiến độ kế hoạch đơn hàng hoặc mùa vụ.
- Quan hệ với các đối tác, các đơn vị sản xuất, nhà máy chế biến và các đơn vị liên quan để giải quyết công việc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Phối hợp với phòng KH-TC trong việc lập các hợp đồng kinh tế, lập hồ sơ nghiệm thu, xuất nhập tại các đơn vị, đơn vị sản xuất.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 13/31

- Tham mưu và tư vấn cho giám đốc trong việc ứng dụng các tiến bộ KHKT mới vào sản xuất.

- Phối hợp với các tổ chức chứng nhận chất lượng, đơn vị kiểm nghiệm lấy mẫu sản phẩm đi phân tích đồng thời lập hồ sơ chất lượng từng lô hàng chuyển về phòng HC-NS-IT cập nhật lên hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý hồ sơ kỹ thuật của công ty, hồ sơ kỹ thuật phải được cập nhật thường xuyên và khép kín các giai đoạn.

- Theo dõi chính xác các số liệu, dữ liệu liên quan đến công tác giám sát đảm bảo tính đúng đắn, chính xác của cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu, vùng sản xuất.

- Thực hiện giám sát chéo theo yêu cầu, phân quyền của công ty

- Trung thực, khách quan, không vụ lợi.

6.2 Giám sát chất lượng

6.2.1. Kiểm tra các điều kiện

- Kỹ thuật viên cùng đơn vị sản xuất bàn giao quy trình canh tác, sản xuất, có thể bàn giao một phần, từng phần từng giai đoạn hoặc bàn giao toàn bộ quy trình.

- Kiểm tra, xem xét và cho ý kiến về hồ sơ đơn vị sản xuất: thực hiện đánh giá bộ quy định và bộ tiêu chí cho vùng sản xuất theo quy trình này đã ban hành hoặc dựa theo quy trình GAPs (VietGap, GlobalGap).

- Quy trình giám sát được áp dụng cho nhà sản xuất buộc phải có dấu đã phê duyệt do công ty cung cấp theo quy định. Trong trường hợp toàn bộ quy trình chưa được triển khai phê duyệt xong mà chỉ có từng phần thì các phần này cũng buộc phải được đóng dấu phê duyệt theo quy định.

- Có biện pháp thực hiện, biện pháp để đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình giám sát theo quy trình đã được công ty phê duyệt.

6.2.2. Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà sản xuất.

- Kiểm tra về nhân lực, thiết bị làm việc đưa vào vùng trồng, thiết bị, công cụ sản xuất được sử dụng trong vùng sản xuất phải nằm trong danh mục thiết bị được phép sử dụng.

- Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất, nhà sản xuất phải có bảng tiêu chuẩn, quy chuẩn cụ thể trong quản lý hướng dẫn sử dụng vật tư, tư liệu sản xuất và phải bắt buộc tuân theo quy chuẩn đó.

- Hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất phải được thể hiện trong hồ sơ theo dõi

- Trong trường hợp hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất có các trang thiết bị, vật tư không nằm trong danh mục các thiết bị vật tư được sử dụng thì phải có báo cáo

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 14/31

và quy trình kiểm tra lại thiết bị vật tư có đảm bảo điều kiện hay không, có được tiếp tục đưa vào sử dụng hay không

- Kiểm tra giấy phép nguồn gốc các máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu an toàn phục vụ cho sản xuất.

- Nhà sản xuất phải đệ trình phương án sử dụng các khu vực cho hợp chuẩn, như trong quy trình theo quy định.

6.2.3. Kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào vùng sản xuất.

- Những vật liệu, tư liệu sản xuất hay bán thành phẩm, thành phẩm phải có mẫu, được đồng ý mới tập kết vào nông trường và được phép sử dụng. Khi đưa vật liệu và bán thành phẩm vào nông trường phải xuất trình chứng chỉ, bao bì nhãn mác giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ.

- Khi nghi ngờ các kết quả kiểm tra thành phẩm bán thành phẩm hay thiết bị lắp đặt thì cán bộ KT tư vấn giám sát kiến nghị thực hiện kiểm tra trực tiếp vật tư, vật liệu, nguyên liệu, các sản phẩm chăm sóc cây trồng và thiết bị lắp đặt vào khu sản xuất báo cáo trực tiếp với quản lý

- Các kết quả kiểm tra và số lượng vật tư vật liệu thành phẩm từng thời điểm trong ngày được ghi trong nhật ký hoặc cập nhật trên nhật ký điện tử.

6.2.4. Kiểm tra, và giám sát trong quá trình canh tác.

- Kiểm tra biện pháp thi công của nhà sản xuất so với tiêu chuẩn kỹ thuật chung đã được đề ra

- Cán bộ tư vấn giám sát kiểm tra và xem xét tất cả các biện pháp thi công chi tiết trong quá trình canh tác. Các biện pháp canh tác này nhà sản xuất phải có tính toán, đảm bảo an toàn cho người, thiết bị, vật tư và phải tự chịu trách nhiệm về kết quả tính toán đó.

- Đối với các biện pháp thi công được KTV chấp thuận là biện pháp đặc biệt thì phải có kỹ thuật riêng. Cán bộ giám sát có trách nhiệm giám sát canh tác và xác nhận khối lượng công việc đúng theo biện pháp được duyệt.

- Cán bộ giám sát kiểm tra tiến độ, giám sát theo dõi, giám sát tiến độ và điều chỉnh tiến độ trong mọi trường hợp

- Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình vận hành của đợn vị sản xuất, cơ sở chế biến, đóng gói.

- Việc giám sát thường xuyên, liên tục, có hệ thống, được hiểu có nghĩa như sau:

Theo đúng quy trình đề ra, KTV sẽ có mặt tại hiện trường, để kiểm tra và nghiệm thu công việc hoàn thành. Việc kiểm tra nghiệm thu và ghi chép nhật ký sản xuất diễn

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 15/31

ra theo một quy trình nhất định, tuần tự, không thay đổi trong suốt quá trình làm việc được gọi là thường xuyên, liên tục, có hệ thống.

- KTV yêu cầu nhà vườn khi canh tác phải lập nhật ký và cập nhật thông qua ghi chép sổ nhật ký hay cập nhật trực tiếp trên hệ thống thông tin điện tử của c.ty.

- Nhật ký nông hộ là tài liệu gốc nhằm trao đổi thông tin giữa nhà sản xuất và đơn vị quản lý giám sát cũng như đối tượng khách hàng

- Nhật ký nông hộ sau khi được người thực hiện công việc trực tiếp cập nhật thì phải có xác nhận của KTV mới được coi là nhật ký có giá trị sử dụng.

- Quy định về mẫu và ghi chép trong sổ nhật ký hoặc qua phần mềm thông tin: Mẫu ghi chép trong sổ nhật ký hoặc cập nhật thông tin qua hệ thống phần mềm phải tuân thủ đúng hình thức của công ty

6.2.5 Kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm.

- Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện đúng theo quy trình đã đề ra, quy trình kiểm tra chất lượng được thực hiện một cách độc lập minh mạch và đáp ứng đầy đủ các điều kiện tiêu chuẩn chất lượng hiện hành.

- Kết quả giám sát kiểm tra được cập nhật trên toàn hệ thống đảm bảo tính thông tin tức thời đến tất cả các bên liên quan.

- Những vấn đề phát sinh trong chất lượng sản phẩm sẽ được thông báo và kiểm tra tuần tự xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các bên liên quan.

- Thực hiện điều chỉnh quy trình nếu sản phẩm chưa đạt yêu cầu, quy trình được điều chỉnh sẽ được áp dụng cho đơn vị chưa đạt yêu cầu đã đề ra.

6.2.6 Giám sát an toàn lao động và vệ sinh môi trường

- Trong bất kỳ tình huống nào, Nhà sản xuất cũng phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn lao động trong quá trình sản xuất.

- KTV thường xuyên cảnh báo nhà sản xuất về những vấn đề những yếu tố tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn lao động

- Kiểm tra các tài liệu an toàn về sử dụng máy móc thiết bị các tài liệu kiểm định chứng minh sự an toàn của các thiết bị.

- Kiểm tra đảm bảo tính an toàn cho các khu các phân vùng riêng biệt trong trang trại, cơ sở chế biến, sản xuất.

6.2.7 Đối với Người lao động

- Kiểm tra tài liệu (sổ học an toàn lao động) cho người lao động theo nghề phù hợp đối với tất cả công nhân tham gia quá trình sản xuất.

- Kiểm tra và yêu cầu người sử dụng lao động không sử dụng người lao động dưới độ tuổi lao động theo quy định của luật lao động.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 16/31

- Kiểm tra trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân trước khi tham gia lao động
- Kiểm tra hệ thống cảnh báo an toàn lao động trong phạm vi vùng sản xuất.

- KTV thường xuyên cảnh báo về những vấn đề có nguy cơ ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường trên vùng sản xuất và khu vực xung quanh. Kiểm tra biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình lao động bao gồm môi trường nước, môi trường không khí, chất thải rắn và các yêu cầu khác về vệ sinh môi trường.

6.2.8 Giám sát việc sử dụng tem truy xuất nguồn gốc

- Kiểm tra lô tem truy xuất nguồn gốc đăng ký tương ứng với lô sản phẩm được cấp
- Kiểm tra việc thực hiện dán tem truy xuất nguồn gốc, gắn tem với lô/ mẻ sản xuất
- Kiểm tra việc đơn vị sản xuất sử dụng tem truy xuất nguồn gốc, thu hồi lô tem truy xuất nguồn gốc nếu xảy ra sự cố liên quan đến chất lượng sản phẩm
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy trình điều kiện trước khi được cấp tem truy xuất nguồn gốc và sau khi sử dụng gắn lên sản phẩm cung cấp đến người tiêu dùng

6.2.9 Thực hiện nghiệm thu

Hệ thống tiêu chuẩn áp dụng cho công tác nghiệm thu.

Các tiêu chuẩn sau đây bắt buộc phải áp dụng

- Điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật đúng với quy trình.
- Cơ sở dữ liệu được ghi nhận đảm bảo tính đúng đắn, có thể kiểm tra và xác minh lại nguồn gốc dữ liệu đó.
- Các điều kiện về chỉ tiêu chất lượng đã đạt yêu cầu.
- Các điều kiện kỹ thuật liên quan đến an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.
- Những điều kiện kỹ thuật bảo vệ môi trường.
- Nhà vườn khi canh tác phải tự tổ chức nghiệm thu các công việc đề ra và đã thực hiện được, đặc biệt là các công việc các hạng mục quan trọng (các hạng mục công việc đòi hỏi tính tuần tự và tính chất kỹ thuật cao) trước khi yêu cầu KTV nghiệm thu.
- Đối với một số công việc nhất định nghiệm thu nhưng chưa thực hiện ngay hoặc đối với một số vị trí có tính đặc thù, thì trước khi thi công tiếp theo phải tổ chức nghiệm thu lại.
- Sau khi nghiệm thu nội bộ đạt yêu cầu, nhà sản xuất gửi phiếu yêu cầu KTV nghiệm thu theo trình tự sau:

a) Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa KTV và các nhà sản xuất có liên quan.

**QUY TRÌNH
QUẢN LÝ GIÁM SÁT**

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 17/31

- b) Phiếu yêu cầu nghiệm thu của Nhà sản xuất, số ... ngày.../.../....
- c) nội dung công việc được phê duyệt số ... và những thay đổi... đã được KTV chấp thuận.
- d) Quy chuẩn, Tiêu chuẩn được áp dụng: Trong biên bản cần ghi rõ tiêu chuẩn nghiệm thu
- đ) Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo (nếu có).
- e) Các kết quả kiểm tra
- g) Nhật ký sản xuất và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- i) Biện pháp thi công đã được phê duyệt.

6.2.10 Nội dung và trình tự nghiệm thu

- a) Kiểm tra đối tượng nghiệm thu tại hiện trường.
- b) Kiểm tra các kết quả thử nghiệm, đo lường mà xác định chất lượng và khối lượng của công việc, đối tượng nghiệm thu
- c) Đánh giá sự phù hợp của biện pháp thực hiện và tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật.
- d) Kết luận: Chấp thuận (hay không Chấp thuận) nghiệm thu, đồng ý cho triển khai các công việc tiếp theo.
- e) Các yêu cầu sửa chữa hoặc các yêu cầu khác (nếu có)

7. Biểu mẫu đánh giá giám sát đơn vị sản xuất, chế biến

Hệ thống khuyến nghị áp dụng theo biểu mẫu

- Tên nhà cung ứng:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Website:.....

Email:.....

- Tên mặt hàng cung cấp:.....

Các chỉ tiêu đánh giá căn cứ vào bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu đánh giá	Đánh giá của chuyên gia	
		Đạt (Đ)	Không đạt (K)

**QUY TRÌNH
QUẢN LÝ GIÁM SÁT**

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 18/31

01	Chất lượng của hàng hóa		
02	Số lượng của hàng hóa		
03	Điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật đúng với quy trình		
04	Các điều kiện về chỉ tiêu chất lượng đã đạt yêu cầu		
05	Các điều kiện kỹ thuật liên quan đến an toàn lao động, phòng chống cháy nổ		
06	Những điều kiện kỹ thuật bảo vệ môi trường		
07	Cơ sở dữ liệu được ghi nhận đảm bảo tính đúng đắn, có thể kiểm tra và xác minh lại nguồn gốc dữ liệu đó.		
Kết luận			

* Kết luận: Nhà cung ứng được đánh giá đạt phải đạt từ 5 chỉ tiêu trở lên (trong đó bắt buộc phải có chỉ tiêu chất lượng). Nếu nhà cung ứng đạt từ 4 chỉ tiêu trở xuống thì có thể tiến hành đánh giá lại.

Nhà cung ứng được chọn: Đạt

Nhà cung ứng không được chọn: Không đạt

Ngàythángnăm 20.....

Người đánh giá

Phê duyệt
Ban Giám đốc

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 19/31

Phân tích Sự cố Patê Minh Chay, đứng từ góc độ Quy trình quản lý giám sát

Diễn biến và thực trạng

Từ 13.7 đến 18.8.2020, 9 ca bệnh bị ngộ độc thực phẩm đã phải điều trị tại các bệnh viện từ một số tỉnh/thành phố trong cả nước. Qua điều tra cho thấy các bệnh nhân đều sử dụng sản phẩm Pate Minh Chay của Công ty TNHH Hai Thành viên Lôi Sóng mới.

Ngay sau khi có thông tin một số ca ngộ độc, ngày 20.8 cơ quan kiểm tra công ty và yêu cầu tạm dừng sản xuất.

Từ ngày 1/7 đến 22/8, thống kê có **11.771 khách hàng mua** 13 loại sản phẩm của công ty, riêng sản phẩm **patê Minh Chay 7.449 khách hàng**.

Chủ cơ sở cho biết: Quá trình sản xuất sử dụng máy hấp tiệt trùng 120 độ C trong vòng 45 phút, không dùng hóa chất. **Việc phát sinh vi khuẩn độc vượt ngoài tầm kiểm soát**. Khẳng định doanh nghiệp không làm các sản phẩm độc hại cho người tiêu dùng.

Nguyên liệu mà công ty sử dụng là chân nấm hương hữu cơ, chân nấm hương, mộc nhĩ, nấm hương khô, nấm hương khô organic, nấm đùi gà to, nấm đùi gà non, nấm sò yến... để sản xuất. **Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra, công ty không xuất trình được đầy đủ hồ sơ nguồn gốc, xuất xứ các loại nguyên liệu**.

Công ty cũng chưa cung cấp được số lượng nguyên liệu nhập kho; số lượng toàn bộ sản phẩm đã sản xuất; số lượng sản phẩm đã cung cấp ra thị trường, các hồ sơ theo dõi sản xuất trong thời gian từ 1/7 đến 28/8 để phục vụ cho công tác điều tra nguyên nhân, truy xuất nguồn gốc.

Ngày 28/8, Viện Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm quốc gia và Viện Y tế công cộng TP HCM đều công bố kết quả cho hay các mẫu pate Minh Chay nguyên hộp chứa loại vi khuẩn yếm khí tạo độc tố botulinum

Công ty sản xuất ra sản phẩm này đã bị các cơ quan chức năng xử lý như sau:

Ngày 3/9/2020, Cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản (Nafiqad) báo cáo lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (NN&PTNT) việc cập nhật xử lý sự cố của patê minh chay, cụ thể:

- Tạm dừng hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- Tạm dừng hiệu lực giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 20/31

- Tạm dừng hiệu lực 13 bản tự công bố của sản phẩm của công ty cho đến khi có kết luận của cơ quan quản lý có thẩm quyền
- Xử phạt hành chính Công ty TNHH hai thành viên Lối Sống Mới số tiền 17,5 triệu đồng do không đảm bảo quy định về an toàn thực phẩm.
- Khẩn trương kiểm tra thực tế việc điều tra, truy xuất, xác định nguyên nhân và áp dụng các biện pháp khắc phục của Công ty
- Cục An toàn thực phẩm đề nghị các đơn vị triển khai gấp việc phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn triển khai kiểm tra, giám sát trên thị trường, chủ động thu hồi các sản phẩm của Công ty
- Cục An toàn thực phẩm, ngày 29/8, yêu cầu công chúng ngừng sử dụng mọi sản phẩm của công ty, thu hồi các sản phẩm.
- Ngày 1/9, Cục An toàn thực phẩm đề nghị Công an thành phố Hà Nội điều tra, xử lý vụ việc Pate Minh Chay có độc tố gây ngộ độc cho nhiều người

Đứng từ góc độ Quy trình quản lý giám sát.

- Công ty không áp dụng truy xuất nguồn gốc, nên khi xảy ra sự cố không thể truy vết các hoạt động.
- Công ty không áp dụng quy trình giám sát nên khi xảy ra sự cố, không thể cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu về nguồn gốc các nguyên liệu và tiến trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- Công ty không áp dụng quy trình giám sát nên khi xảy ra sự cố thì mọi việc đã quá nghiêm trọng.
- Công ty không áp dụng quy quản lý giám sát nên không thể kiểm soát các rủi ro trước, trong, sau khi sản xuất.
- Công ty không áp dụng quy trình quản lý giám sát nên khó xác định loại sản phẩm xảy ra sự cố để , trách nhiệm thuộc về khâu nào, đơn vị liên quan nào phải chịu trách nhiệm.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 21/31

PHỤ LỤC 1

Khuyến nghị áp dụng hệ thống truy xuất xúc tiến thương mại

Đối với đơn vị quản lý và vận hành hệ thống TXNG XTTM.

- Cần phải có đội ngũ cán bộ/hoặc cán bộ được huấn luyện đào tạo, có năng lực quản lý hệ thống TXNG.

- Cần phải có cán bộ có năng lực chuyên môn về công nghệ thông tin để có thể vận hành và giám sát hoạt động sản xuất của địa phương.

- Có đội ngũ chuyên môn về lĩnh vực sản xuất mà doanh nghiệp đăng ký tham gia để thực hiện nghiệp vụ giám sát kỹ thuật.

- Cần hiểu rõ hệ thống và quy trình quản lý giám sát (1) giám sát quá trình sản xuất ra nguyên liệu đầu vào như: giống, vật tư, cách sản xuất theo quy trình...; (2) Giám sát quá trình thu mua nguyên liệu đã đạt những tiêu chuẩn và có kiểm định chất lượng cho đến khâu chế biến ra sản phẩm; (3) giám sát quá trình bảo quản, vận chuyển, phân phối đến người tiêu dùng.

- Định kỳ thực hiện các hoạt động giám sát theo hướng dẫn của quy trình quản lý giám sát.

Đối với đơn vị sản xuất/nông dân sản xuất trực tiếp.

- Đơn vị sản xuất/người nông dân cần được huấn luyện, đào tạo, tư vấn thường xuyên để có thể sử dụng nhật ký điện tử một cách hiệu quả.

- Cần hiểu rõ bản chất của quy trình quản lý giám sát, đặc biệt là trách nhiệm các bên tham gia trong chuỗi sản xuất.

- Từng bước nâng cao năng lực để áp dụng công nghệ thông tin, nhật ký điện tử vào sản xuất. Điều này đặc biệt quan trọng vì việc áp dụng đúng sẽ hỗ trợ chứng minh năng lực hàng hóa, chất lượng sản phẩm, tạo niềm tin đối với người tiêu dùng trên cơ sở minh chứng mang tính khoa học. Từng bước, tạo dựng niềm tin bền vững cho cả người sản xuất và tiêu dùng khi có công cụ là quy trình quản lý giám sát.

Nhà sản xuất/người nông dân cần được thông tin và hiểu rõ khi áp dụng việc sản xuất theo quy trình, môi trường sống như đất, nước, không khí cũng như sức khỏe của chính mình được bảo vệ và cải thiện.

Đối với doanh nghiệp chế biến, thương mại hàng hóa xuất khẩu.

Doanh nghiệp cần hiểu rõ Công Truy xuất xúc tiến thương mại là công cụ đắc lực giúp các doanh nghiệp, ngoài việc cung ứng sản phẩm với thông tin minh bạch, họ sẽ tự tin khi có công cụ để truy tìm và quy trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong chuỗi giá trị.

Các thông tin và kiến thức doanh nghiệp cần nắm khi áp dụng quy trình quản lý giám sát cụ thể:

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 22/31

- Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ngày càng cao của thị trường người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Giúp doanh nghiệp khẳng định sự minh bạch, xây dựng hình ảnh, tăng khả năng cạnh tranh khi phân quyền quản lý giám sát cho khách hàng trên hệ thống truy xuất xúc tiến thương mại.

- Gúp doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu, quản lý chuỗi cung ứng tốt hơn thông qua quy trình quản lý giám sát.

- Chống hàng giả, bảo vệ thương hiệu doanh nghiệp, không bị kẻ xấu lợi dụng thương hiệu của doanh nghiệp

- Giúp doanh nghiệp đáp ứng các quy định của quốc tế và quốc gia nhập khẩu

- Là kênh thông tin truyền thông và tiếp thị hiệu quả tới người mua hàng trong nước và các nhà nhập khẩu để tăng doanh thu và lợi nhuận.

Đối với người tiêu dùng:

Trên thực tế, Công Truy xuất xúc tiến thương mại là công thông tin chính thống về truy xuất nguồn gốc và xúc tiến thương mại. Nó giúp người tiêu dùng tiếp cận được sản phẩm minh bạch về nguồn gốc và chất lượng, tạo ra thói quen mua hàng là phải có nguồn gốc xuất xứ. Sử dụng tem truy xuất nguồn gốc đơn giản, tiện lợi và nhanh chóng chỉ thông qua một thao tác quét mã đơn giản có thể biết rõ về nguồn gốc, xuất xứ cũng như những đơn vị chịu trách nhiệm liên quan đến sản phẩm như phòng xét nghiệm nào? Đơn vị giám sát nào? Nhà máy sản xuất nào? sản phẩm đạt tiêu chuẩn nào?... Khách hàng có thể an tâm và hoàn toàn tin tưởng đối với các sản phẩm được dán nhãn và tránh mua phải hàng giả, hàng nhái kém chất lượng, đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Do đó, với quy trình quản lý giám sát, người tiêu dùng an tâm khi mua và sử dụng sản phẩm.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 23/31

PHỤ LỤC 2

Lưu ý khi tham gia vào cổng TXNG xúc tiến thương mại

- Đơn vị triển khai truy xuất nguồn gốc

Quá trình xây dựng và áp dụng Hệ thống xúc tiến thương mại cho trang trại nuôi trồng với các tiêu chuẩn tự nguyện mà trang trại đang áp dụng, GlobalGAP hay VietGAP:

- Tập huấn cho trang trại quy định về truy xuất nguồn gốc xuất xứ theo quy định hiện hành và các bên liên quan như đơn vị giám sát và xét nghiệm sản phẩm.

- Xây dựng cơ chế, cách nhận biết và truy xét nguồn gốc sản phẩm (ghi chép và lưu hồ sơ về nguyên liệu đầu vào, quá trình sản xuất trong trang trại và khách hàng mua sản phẩm đầu ra); hoạt động này nên được tiến hành lồng ghép với việc kiểm soát hoạt động sản xuất theo tiêu chuẩn.

- Thực hiện thủ tục đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu thương mại trong nước và quốc tế (nếu cần) và các biện pháp thực tiễn để chống hàng giả, hàng nhái.

- Thực hiện các giải pháp tiếp thị hữu hiệu để kết nối với thị trường (hệ thống phân phối, thông tin trên nhãn/ bao bì, quảng cáo, triển lãm, hội thảo, hoạt động xã hội / công ích...)

- Cho người quản lý điều hành hệ thống TXNG

Nhóm tư vấn khuyến nghị, để có được thị trường và giá bán tốt hơn, các nhà sản xuất cần (tự mình hoặc có sự hỗ trợ của tư vấn) thực hiện các hoạt động sau:

- Đào tạo nhận thức chung về vai trò và tác dụng của việc xây dựng và áp dụng Hệ thống TXNG XTTM cho tất cả cán bộ và người lao động.

- Nghiên cứu tiêu chuẩn, quy phạm pháp luật của nơi sản xuất và thị trường xuất khẩu để xây dựng cách thức nuôi/ trồng đáp ứng yêu cầu.

- Thực hiện việc nuôi/ trồng theo quy trình đã xây dựng, ghi chép và lưu hồ sơ cần thiết theo yêu cầu đã xây dựng.

- Đào tạo đánh giá viên nội bộ và tiến hành đánh giá nội bộ trước khi đăng ký chứng nhận.

- Tham gia và thực hiện quá trình chứng nhận với tổ chức chứng nhận đã được công nhận và phê duyệt.

- Thực hiện tiếp các hoạt động xây dựng thương hiệu và thị trường để có được giá bán tốt hơn.

Nhận thức về sản xuất và thương mại bền vững: Thực tế, áp dụng và chứng nhận hệ thống “Thực hành Nông nghiệp tốt” theo Hệ thống TXNG XTTM trên cơ sở tiêu

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 24/31

chuẩn tự nguyện (GlobalGap, VietGAP, hay bất cứ tiêu chuẩn nào...) là giải pháp nền tảng để nhà sản xuất nông nghiệp xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thị trường và giá bán tốt hơn cho sản phẩm của mình. Vì thế, cần nâng cao nhận thức cho nhà sản xuất về các chi phí dành cho TXNG hay các tiêu chuẩn tự nguyện GlobalGap/VietGAP, vv... thực chất là đầu tư cho sự phát triển lâu dài, bền vững chứ không phải đơn thuần là chi phí cho sản phẩm.

- Hệ thống TXNG XTTM được coi là cây cầu nối giữa nhà sản xuất với người tiêu dùng với sứ mệnh minh bạch thông tin cho cả hai phía thông qua một công cụ đặc lực (TXNG) của bên thứ 3.

Lưu ý cho Cục Xúc tiến thương mại

Cục XTTM là đơn vị vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc, ban hành ra các quy trình nhằm giúp các đơn vị sản xuất, chế biến, công ty thương mại, người tiêu dùng tuân thủ các quy trình và phân rõ trách nhiệm thuộc về ai tại mỗi khâu trong chuỗi sản xuất, tiêu thụ. Đây cũng là cơ sở để phân định trách nhiệm có liên qua đối với người tiêu dùng cuối cùng khi xảy ra sự cố.

- Với các đơn vị cung cấp dịch vụ TXNG, Cục XTTM cần có các bước hợp chuẩn với người mua, đặc biệt là thị trường nhập khẩu, có cách thức hướng dẫn các đơn vị cung cấp TXNG khác để triển khai đúng đúng 05 Quy trình thuộc bộ áp dụng cho nhà sản xuất: (1) Quy trình đánh giá nhà cung cấp; (2) Quy trình quản lý sự cố khẩn cấp; (3) Quy trình kiểm soát động vật gây hại; (4) Quy trình kiểm soát và cấp mã QR code; (5) Quy trình quản lý giám sát Tập huấn các đơn vị tham gia trong chuỗi sản xuất hiệu rõ và vận hành theo quy trình.

Với vai trò điều phối Hệ sinh thái truy xuất nguồn gốc, đặc biệt về hoạt động quản lý chất lượng cho sản phẩm sử dụng dịch vụ TXNG, Cục XTTM cần có cơ chế điều hành và khuyến cáo các đơn vị sản xuất áp dụng quy trình.

- Tập huấn các đơn vị tham gia trong chuỗi sản xuất hiệu rõ và vận hành theo quy trình

- Hỗ trợ điều phối quy trình khi xảy ra sự cố liên quan đến chất lượng sản phẩm gây thiệt hại hoặc nguy hiểm cho người tiêu dùng, nếu là các hoạt động trong khuôn khổ của Hệ sinh thái.

- Chứng nhận cho những đơn vị tham gia trong chuỗi sản xuất áp dụng truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại.

- Hợp chuẩn về thông tin liên quan đến TXNG, quy định về kiểm soát chất lượng với những thị trường mục tiêu mà hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 25/31

PHỤ LỤC 3

Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến txng

Bối cảnh quốc tế

Từ năm 2005, Liên minh Châu Âu quy định cụ thể về việc truy xuất nguồn gốc là quy định bắt buộc cho các nước thành viên.

Thái Lan ban hành chuẩn quốc gia về truy xuất nguồn gốc điện tử, xây dựng cổng thông tin truy xuất nguồn gốc điện tử để nông dân vào đăng ký dùng miễn phí. Tất cả các sản phẩm chuỗi nải, chuỗi quả, sầu riêng quả bán ở cửa hàng rau quả nhỏ ở Thái Lan cũng được dán mã QR code. Hoạt động này được Thái Lan triển khai mạnh từ năm 2010.

Hoa Kỳ ban hành Luật Hiện đại hóa An toàn thực phẩm. Nội dung chính gồm: yêu cầu tăng cường theo dõi, truy vết, lưu trữ hồ sơ đối với thực phẩm nguy cơ cao.

Ireland, Canada quy định nghiêm ngặt về việc dán nhãn mác, nhận diện sản phẩm, cơ sở sản xuất. Ở Ấn Độ, từ năm 2006, các nhà sản xuất, chế biến nho đã thiết lập và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử GrapeNet.

Trung Quốc bắt buộc từ ngày 1-1-2019, các loại nông sản xuất qua thị trường nước này đều phải đăng ký thông tin nhà vườn, nhà xưởng, bao bì gửi cho Hải quan Trung Quốc. Cụ thể, các sản phẩm trái cây tươi xuất khẩu sang TQ phải dán tem XTNG với thông tin minh bạch.

Thực tế Việt Nam

TXNG là hoạt động còn khá mới. Nhiều đơn vị sản xuất, nhiều doanh nghiệp còn chưa thực sự hiểu rõ nội hàm của TXNG.

Thời gian qua, tem TXNG hàng hoá chưa được chuẩn hoá tại Việt Nam, chưa có quy định pháp lý cụ thể cho tem và QR code. Do đó, hiện tại, mỗi đơn vị cung cấp giải pháp TXNG đang làm theo cách của riêng mình, thông tin không đầy đủ gây hoài nghi cho người tiêu dùng về hiệu quả của các hệ thống TXNG trên thị trường.

Hiện đang có nhiều cơ sở, DN sử dụng mã QR để cung cấp thông tin về sản phẩm và gọi đó là tem TXNG trong khi hoạt động này không có sự chuẩn hoá về thông tin liên quan đến nội dung và hình thức. Tem này về bản chất chỉ mới sử dụng được hệ thống mã nội bộ, chưa thể được coi là TXNG vì không kết nối được với các cơ quan quản lý, không có khả năng mở để các bên tham gia hệ thống TNXG khác, không có khả năng kết nối với các hệ thống TXNG của các nước khác.

Có thể thấy, TXNG là một hoạt động do khách hàng yêu cầu nhà cung ứng sản phẩm phải áp dụng. Đặc biệt, TXNG hỗ trợ DN kinh doanh trong quản lý và vận hành hoạt động. Đây còn là công cụ đắc lực hỗ trợ cho các DN trong chuỗi xử lý các sự cố liên quan đến khiếu nại hay lỗi trong quá trình vận hành, sản xuất, hậu cần. Nói cách khác, thông qua hệ thống truy xuất nguồn gốc, doanh nghiệp có thể nhanh chóng phát

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 26/31

hiện và xử lý kịp thời sự cố xảy ra đối với sản phẩm, đồng thời giúp xác định và khoanh vùng chính xác sản phẩm có vấn đề để thực hiện kịp thời các hành động thu hồi hoặc loại bỏ sản phẩm khỏi chuỗi cung ứng.

Việc sử dụng tem TXNG tại Việt Nam và thế giới ngày càng phổ biến. Người tiêu dùng và các bên liên quan có thể truy xuất thông tin nhanh chóng, chính xác, qua đó nâng cao niềm tin của người tiêu dùng vào các sản phẩm có gắn tem TXNG. Các tiêu chuẩn như ISO, GTS, HACCP... cũng được tích hợp trong TXNG hỗ trợ các bên tham gia trong chuỗi.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại

Hệ thống TXNG xúc tiến thương mại là hệ thống do Cục XTTM với sự hỗ trợ kỹ thuật từ GIZ (Đức) phát triển. Mục tiêu hướng đến của hệ thống TXNG là từng bước phát triển Hệ sinh thái XTTM, tiến hành các hoạt động TXNG cho các sản phẩm tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, đặc biệt, là các hoạt động xúc tiến thương mại hỗ trợ đầu ra.

Các sản phẩm được TXNG đều được Cục XTTM định hướng các hoạt động đầu ra theo các kênh từ truyền thống như chấp mồi kinh doanh, nghiên cứu thị trường, khảo sát thị trường, hội chợ triển lãm... đến các phương thức mới, áp dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong xúc tiến thương mại như kết nối trực tuyến, xây dựng mạng lưới trực tuyến, thương mại điện tử (thông qua các sàn TMĐT trong và ngoài nước).

Thực tế, hệ thống TXNG XTTM triển khai các hoạt động như đào tạo và cung ứng giải pháp kiểm soát và truy xuất nguồn gốc nông nghiệp, phát triển hướng đến 100% hàng hóa có hồ sơ nguồn gốc xuất xứ và đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu của thị trường người tiêu dùng.

Một trong các chức năng chính của tiêu chuẩn Hệ thống TXNG xúc tiến thương mại.

- Chức năng nhật ký điện tử: Đây là chức năng quan trọng, giúp các doanh nghiệp, HTX, Nông dân có thể cập nhật thay thế cho ghi chép tay và cũng là chức năng mà các nhà nhập khẩu, người mua hàng yêu cầu.

- Chức năng kiểm định: phân quyền độc lập trên hệ thống truy xuất nguồn gốc, liên kết dữ liệu sản xuất theo lô, công bố kết quả minh bạch, là chức năng quan trọng hỗ trợ cho doanh nghiệp sản xuất và người bán hàng cuối cùng tự tin về chất lượng.

- Chức năng hậu cần (logistics): Điểm quan trọng trong chuỗi và cũng là điểm không thể thiếu trong hệ sinh thái TXNG. Để truy vết và hỗ trợ hoạt động quản lý, chức năng này được tích hợp và là một trong những cấu phần không thể thiếu trong TXNG.

- Chức năng giám sát độc lập: phân quyền trên hệ thống truy xuất nguồn gốc. Chức năng này hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức giám sát được chỉ định do bên mua hàng hoặc bộ phận giám sát của công ty có thể giám sát toàn bộ quá trình sản xuất của đơn vị sản xuất, nông trại một cách dễ dàng và hiệu quả.

- Chức năng kết nối tiêu thụ bán hàng, xúc tiến thương mại: Đây là chức năng khác biệt của hệ thống TXNG XTTM do Cục XTTM vận hành. Như đã nêu, các sản phẩm

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 27/31

được dán thêm TXNG của hệ thống sẽ được hỗ trợ và tư vấn đầu ra theo các kênh phù hợp, từ truyền thống đến áp dụng công nghệ, thương mại điện tử.

Khuyến nghị của nhóm tư vấn cho nhà sản xuất, đặc biệt đối với sản phẩm nông sản, thực phẩm, liên quan đến sức khỏe và bảo vệ môi trường sống, cần cân nhắc các yếu tố sau nhằm xây dựng niềm tin và hình ảnh sản phẩm chất lượng, minh bạch thông tin cho khách hàng:

- Áp dụng quy trình truy xuất nguồn gốc, nuôi trồng an toàn theo Hệ thống TXNG xúc tiến thương mại.

- Phát triển và vận hành nhật ký điện tử hoạt động này nên được tiến hành lồng ghép với việc kiểm soát hoạt động sản xuất và giám sát của bên thứ 3 theo tiêu chuẩn. Đây là hoạt động khá thách thức, cần có sự hướng dẫn và đồng hành của đơn vị điều hành hệ thống TXNG đối với từng đối tượng cụ thể.

- Đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu thương mại: Đây là hoạt động cần làm để hỗ trợ việc chống hàng giả, hàng nhái, xúc tiến thương mại thành công hơn

Liên kết và chấp mối kinh doanh: các giải pháp kết nối với thị trường theo các phương thức đa dạng từ trực tiếp đến trực tuyến. Ngoài việc kết nối, các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật tiếp nối để các đơn hàng được xuất khẩu thành công và bền vững.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

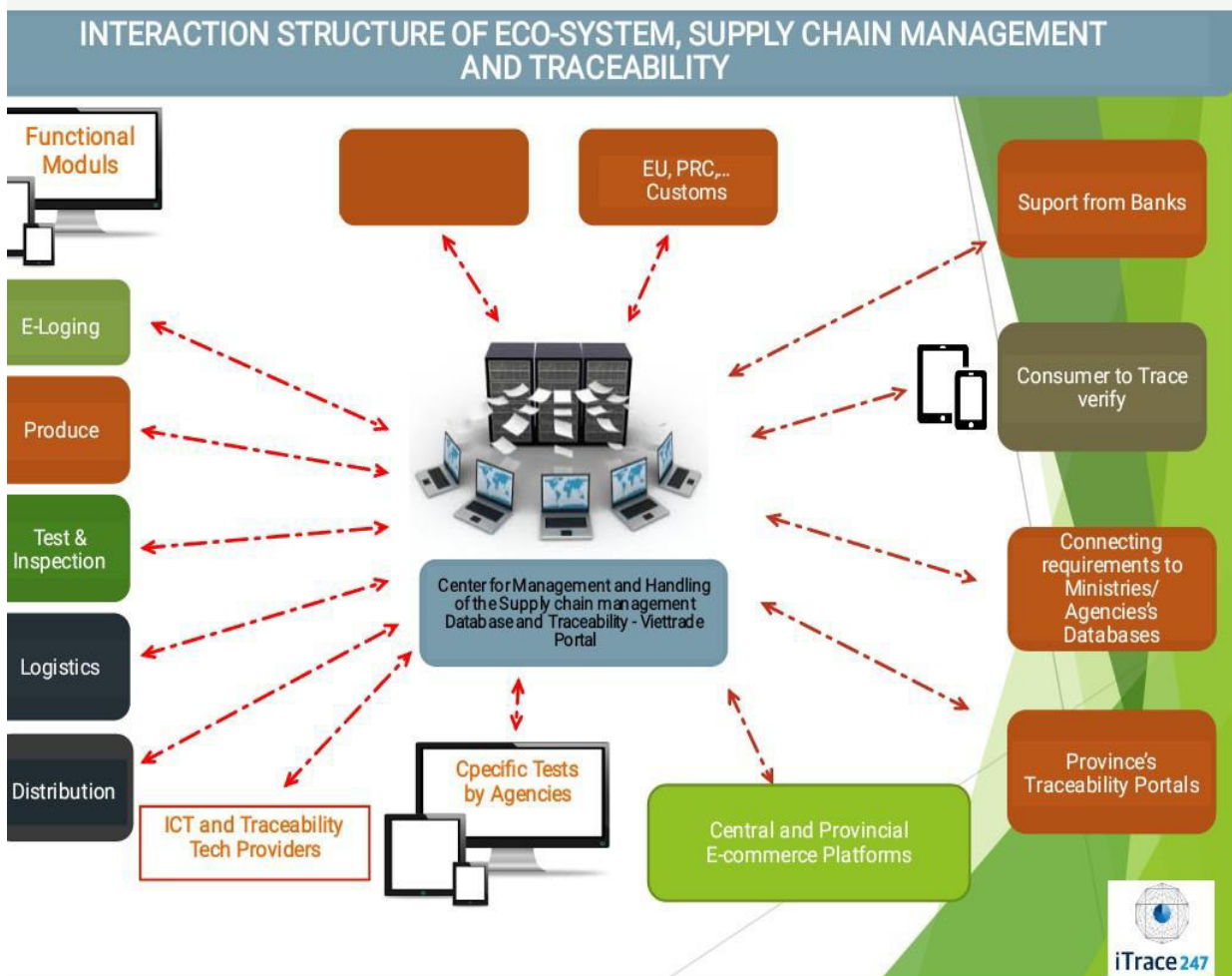
Ngày hiệu lực:

Trang: 28/31

PHỤ LỤC 4

Sơ đồ vận hành công truy xuất xứ tiến thương mại

(Nguồn: Cục Xúc tiến thương mại – Bộ Công Thương cung cấp)



QUY TRÌNH QUẢN LÝ GIÁM SÁT

Số hiệu: SX-QL014

Lần ban hành/sửa đổi: 01/00

Ngày hiệu lực:

Trang: 29/31

PHỤ LỤC 5

Sơ đồ về Hệ sinh thái TXNG XTTM

(Nguồn: Do Cục XTTM – Bộ Công Thương cung cấp)

Sơ đồ liên quan đến các đơn vị/tổ chức tham gia vào hệ sinh thái XTTM gồm Tổ chức tài chính, pháp lý, kiểm định. Cục XTTM là đơn vị điều phối hệ sinh thái.

Có 05 bước TXNG được tích hợp trong hệ thống (các ô dòng cuối cùng) gồm: Sản xuất (nhật ký), Giám sát, Nhà máy (đóng gói, chế biến...), Vận chuyển, Phân phối.

